TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 12 - 2023
Về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Ông Bùi Quang Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Huỳnh M**, sinh năm 1972. *(có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.
Bị đơn: Ông **Lê Phước H**, sinh năm 1969. *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Huỳnh M trình bày:***

Vào năm 1993, sau một thời gian tìm hiểu, bà và ông Lê Phước H đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Văn Liêm ngày 29/7/2004. Quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung tên Lê Phước T (nam, sinh năm 1994), Lê Phước T1 (nam, sinh năm 1999), Lê Phước T2 (nam, sinh năm 2003) và Lê Thị Huỳnh T3 (nữ, sinh ngày 15/8/2006). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, ông H thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, bà có khuyên ngăn thì bị ông H đánh đập. Bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả nên bà đã dọn ra ngoài sống riêng. Do đó, bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Phước T (nam, sinh năm 1994), Lê Phước T1 (nam, sinh năm 1999), Lê Phước T2 (nam, sinh năm 2003) và Lê Thị Huỳnh T3 (nữ, sinh ngày 15/8/2006). Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T3 đến trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh T, anh T1 và anh T2 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H nhiều lần vắng mặt không có lý do, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Phan Thị Huỳnh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông H, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu T3 đến trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

- Bị đơn ông Lê Phước H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phan Thị Huỳnh M và ông Lê Phước H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, bà M khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chưa thành niên nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Phước H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: bà M và ông H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2004. bà M cho rằng vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, ông H thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, bà có khuyên ngăn thì bị ông H đánh đập. Bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả nên bà đã dọn ra ngoài sống riêng. Mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và không giải quyết được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục thông báo cho ông H đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa nhưng phía ông H nhiều lần vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bà M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ khi bà sinh con đầu tiên là anh Tín, sau đó vợ chồng hàn gắn lại và tiếp tục chung sống để lo cho con nhưng rồi ông H vẫn không thay đổi,

vẫn tiếp tục cờ bạc và đánh đập bà, do đó, bà không thể tiếp tục sống chung với ông H. Như vậy, cho đến nay mâu thuẫn giữa bà M và ông H vẫn không giải quyết được. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà M và ông H có 04 con chung là anh Lê Phước T (sinh năm 1994), anh Lê Phước T1 (sinh năm 1999) và anh Lê Phước T2 (sinh năm 2003) và cháu Lê Thị Huỳnh T3 (nữ, sinh ngày 15/8/2006). bà M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T3 đến trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu T3 đang sống chung với bà M; đồng thời, cháu T3 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ, Hội đồng xét xét xử thiết nghĩ cần giao cháu T3 cho bà M nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do bà M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với anh Tín, anh Tánh và anh Tấn đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà M cho rằng quá trình chung sống bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do ông H vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà M phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử</u>: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Huỳnh M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Huỳnh M được ly hôn với ông Lê Phước H.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Thị Huỳnh T3 (nữ, sinh ngày 15/8/2006) cho bà Phan Thị Huỳnh M nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông Lê Phước H không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu T3 có nguyện vọng sống chung với bà M.

ông H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Đối với anh Lê Phước T (sinh năm 1994), anh Lê Phước T1 (sinh năm 1999) và anh Lê Phước T2 (sinh năm 2003) đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Huỳnh M phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002281 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Châu Văn Liêm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế